TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 7 năm 2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
2. Ông Đào Xuân Hải.

*** Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981(Có mặt)
Cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981 (Vắng mặt)
Cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh B kết hôn ngày 24/10/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự

nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh B về chung sống với nhau tại gia đình anh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến tháng 6/2019 giữa chị và anh B phát sinh mâu thuẫn do anh B nghiện ma túy và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 2/2022 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 10/8/2002 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/2006. Ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thanh D và cháu Nguyễn Thanh T.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh B, ý kiến về con chung.

* Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh B. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh B vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2022, bà Vũ Thị T – Trưởng thôn T, xã N cho biết: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Thanh B năm 2001, sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh B về ở với bố mẹ đẻ anh B. Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh B phát sinh mâu thuẫn nghiện ngập, chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Chị T đã tự ý về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 02/2022 đến nay. Đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn, con chung theo quy định.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Thanh B nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh B xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 02/2022, nguyên nhân do anh B không quan tâm gia đình, vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị T, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 10/8/2002 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/2006. Nay chị T không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Thanh B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 10/8/2002 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/2006. Nay chị T không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0011625 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương